

# Cải cách thể chế ở Việt Nam: Thực trạng - Những vấn đề đặt ra và xu hướng phát triển (tiếp theo kỳ trước và hết)

Hồ Sĩ Quý<sup>(\*)</sup>  
và các cộng tác viên<sup>(\*\*)</sup>

**Tóm tắt:** Cải cách thể chế chính là thách thức nhất đối với Việt Nam hiện nay. Bên cạnh những thành tựu to lớn mà đất nước đã đạt được sau hơn 30 năm đổi mới, đặc biệt những kết quả tích cực của việc giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội vài năm gần đây, nhìn từ phương diện cải cách thể chế, cần thừa nhận một thực tế là, thái độ ít hài lòng, không yên tâm và lo lắng... vẫn là tâm thế khá phổ biến hiện nay. Bài viết chỉ ra bảy vấn đề quy định thực trạng đất nước hiện nay và đồng thời cũng quy định chiều hướng và tốc độ của sự phát triển, đó là: 1) Nợ công; 2) Sự lệ thuộc của nền kinh tế; 3) Sự chuyển đổi mô hình phát triển; 4) Tham nhũng; 5) Môi trường, tài nguyên; 6) Các vấn đề xã hội; và 7) Vấn đề biển Đông - vấn đề không tách rời tâm thức Dân tộc - Quốc gia. Bên cạnh đó, bài viết cũng chỉ ra xu hướng phát triển của đất nước trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Thể chế, Cải cách thể chế, Tham nhũng, Nợ công, Mô hình phát triển, Biển Đông

## 6. Những vấn đề xã hội căng thẳng

Tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV (ngày 22/5-21/6/2017), khi thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội, Đại biểu Quốc hội tỉnh Bến Tre Đặng Thuần Phong đã chỉ ra sáu bất an mà nhân dân bức xúc: 1/ Vấn đề liên chính của cả hệ thống chính trị; 2/ Vấn nạn tham nhũng và lãng phí gây sa sút lòng tin trong dân; 3/ Mất cân đối ngân sách, tính ổn định bền vững của kinh tế vĩ mô kém, hiệu

quả đầu tư thấp, nợ công cao và xu hướng vẫn tăng trong những năm tới, chi thường xuyên gần 70% tổng chi, bội chi gấp 3 lần tăng trưởng; 4/ Đồng tiền đã chi phối nhiều hoạt động xã hội và làm phai nhạt tính công tâm của các cơ quan công quyền; 5/ Việc kêu gọi đầu tư hời hợt, thiếu trách nhiệm đã biến Việt Nam thành điểm đến của công nghiệp rác, công nghệ lạc hậu và hệ lụy môi trường. “Rừng đã hết, sông đã chết, biển gần chết và tài nguyên quốc gia cho đời sau chỉ còn trong lịch sử”. Quỹ đất ở, đất sản xuất không còn, trong khi đó, đất nông, lâm trường sử dụng kém hiệu quả, thậm chí còn bị phát canh, thu tô; 6/ Về an toàn sống: tình

---

(\*) GS.TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: hosiquy.thongtin@gmail.com

(\*\*) Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

trạng mất an toàn vệ sinh thực phẩm, mất an toàn giao thông... nghiêm trọng. Lối sống vô cảm có xu hướng lan rộng.

Ngoài những vấn đề trên, những bức xúc xã hội khác trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, đạo đức xã hội... trên thực tế cũng ở tình trạng khá nghiêm trọng. Cụ thể:

- *Giáo dục - đào tạo* từ nhiều năm gần đây đã bị coi là xuống cấp, đôi khi bị gọi là “khủng hoảng”. Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện nhiều cải cách để cải thiện tình hình. Đã có một số biến chuyển, thậm chí, một số tổ chức quốc tế đã có những đánh giá tích cực về giáo dục Việt Nam (Xem: Nguyễn Thảo, 2016; Vĩnh Hà, 2017), nhưng giáo dục nói chung vẫn chưa thể gọi là đã thoát ra được khỏi khủng hoảng.

Đầu tư cho giáo dục tăng nhưng đầu tư ngoài nhà nước vẫn thấp. Đào tạo nhiều, các giải pháp nâng cao chất lượng đã có, nhưng chất lượng giáo dục - đào tạo vẫn chưa nâng lên được như kỳ vọng. Những người đã được đào tạo vẫn khó tìm việc làm. Trong khi đó, tình trạng thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn trầm trọng. Tâm lý thực dụng trong giáo dục ở các đối tượng được thụ hưởng giáo dục đã hình thành và dường như ngày càng tăng. Đội ngũ giáo viên và những người làm giáo dục ngày càng gặp nhiều vấn đề gây lo lắng bất an, trong đó có những vấn đề chủ yếu là do sự yếu kém của công tác quản lý gây ra (Xem: Hiền Trần, 2017; Thanh An, 2017; Thùy Linh, 2017). Kết quả kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học kết hợp xét tuyển đại học năm 2017 dù được đánh giá có nhiều ưu điểm, song lộ ra tình trạng điểm chuẩn ngành sư phạm cực thấp, “báo động nguy hiểm về sự thất bại của cải cách giáo dục toàn diện”. Bộ Giáo dục và Đào tạo kêu gọi ngành giáo dục “bình tĩnh”

và Bộ phải tính đến quy hoạch lại toàn bộ mạng lưới các trường sư phạm (Xem: Nguyễn Sương - Quyên Quyên, 2017).

- *Nền y tế Việt Nam* trong nhiều năm qua đạt được nhiều thành tựu, được cộng đồng thế giới ghi nhận. Khoa học y tế ở Việt Nam được coi là ở trình độ khá cao; có ý kiến còn đánh giá là cao nhất trong số các khoa học chuyên ngành ở Việt Nam, không thua kém khu vực (Xem: Thu Hằng, 2012; Minh Thùy, Thiên Chương, 2011; Bộ Y tế, 2016)\*. Tuy nhiên, những vấn đề của ngành y tế và các vấn nạn xã hội trong y tế lại ở mức đáng ngại: Hệ thống bệnh viện tư nhân khó phát triển như dự kiến do cơ chế chứ không phải do năng lực; Các bệnh viện công không phát huy được tiềm lực vì có quá nhiều cái thiếu, mà thiếu nhất là một *hệ thống các quan hệ giữa người với người bình thường* trong hoạt động y tế; Bảo hiểm y tế có nhiều bất cập; Tình trạng giá thuốc chữa bệnh bất thường do quản lý kém (giá bán lẻ sữa công thức cho trẻ em ở Việt Nam ở mức cao nhất thế giới, gấp đôi Malaysia và gấp 1,5 lần Thailand). Giá thuốc tây tại Việt Nam cũng thuộc hàng đắt nhất thế giới. Theo khảo sát của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) với 7 nhóm thuốc thông dụng, giá thuốc tại Việt Nam cao gấp từ 5 đến 40 lần so với giá trung bình thế giới; Hiện tượng nạo phá thai ở Việt Nam cũng cao nhất thế giới; Việt Nam vẫn nằm trong số 36 quốc gia có tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi trên

\*Hiện nay, phẫu thuật ghép tạng ở Việt Nam là một trong những thành tựu nổi bật ghi dấu trình độ y học Việt Nam đã tiến bộ, ngang bằng với khu vực. Với phẫu thuật nội soi u nang ống mật chủ trên bệnh nhi, kỹ thuật nối ống gan trung với tá tràng, tại Bệnh viện Nhi Trung ương đã có nhiều trường hợp thành công. Đã có nhiều giáo sư, bác sĩ của các nước tiên tiến trên thế giới đến Việt Nam học hỏi kỹ thuật này.

phạm vi toàn cầu (đàn ông Việt Nam có chiều cao trung bình 1,62 m, thấp nhất ASEAN, kém cả Campuchia, và thấp hơn nhiều so với Đông Bắc Á) (Xem: Đoàn Trần, 2017; Hải Linh, 2016; BBC, 2017; *Những cái “nhất” của Việt Nam so với thế giới*, 2016; Hải Duyên, 2017; Lệ Hà, 2017; Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017).

- *Hiện tượng xuống cấp về đạo đức, tha hóa con người.* Tình trạng một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, công chức suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống, tham ô, tham nhũng, yếu kém năng lực, tham quyền cố vị, cản trở sự phát triển, gây phiền hà, những nhiễu nhâm dân... đang gây mất lòng tin vào Đảng, vào chế độ trong các tầng lớp nhân dân. Tham nhũng và làm ngơ trước tham nhũng có nguy cơ lan rộng. Hiện tượng lệch lạc về giá trị trở thành bình thường trong đời sống tinh thần xã hội. Chủ trương xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam, lấy các giá trị chân - thiện - mỹ làm cốt lõi ngày càng trở nên mờ nhạt, kể cả trong nhận thức và trong chỉ đạo thực hiện. Tình trạng giả dối xuất hiện ở nhiều nơi, thậm chí công nhiên, làm nản lòng sự trung thực, tử tế. Sự bao che cho cái xấu, cái bất minh khá trắng trợn. Sự tha hóa, lối sống xa hoa, phù phiếm... có xu hướng ngày càng phát triển. Tình trạng tội phạm gia tăng và có những diễn biến phức tạp. Bạo lực xã hội tràn lan, thậm chí đã xuất hiện những cuộc trả thù rừng rợn mà quan chức cũng trở thành nạn nhân. Hiện tượng vô cảm chưa có xu hướng giảm bớt. Tinh thần “thượng tôn pháp luật” ngày càng kém, tâm lý lách luật kể cả ở các cơ quan có trách nhiệm trở thành quen thuộc trong tư duy pháp luật.

Tất cả những hiện tượng này gần như xuất hiện hàng ngày trên báo chí và tính

cấp thiết của vấn đề đã được phản ánh và đề cập chi tiết trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng (với 27 biểu hiện cụ thể về sự suy thoái...) do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ký ban hành ngày 30/10/2016: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến” và “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

*Phát triển bền vững nói ngắn gọn là phát triển mà không (hoặc ít) gây ra những vấn đề xã hội. Không một quốc gia nào thành công nếu tăng trưởng, phát triển lại đi kèm những vấn đề xã hội bức xúc đến mức không giải quyết được.*

### 7. Vấn đề biển Đông

Nói đến thực trạng đất nước hôm nay không thể không nói đến vấn đề biển Đông. Không chỉ là vấn đề quốc phòng - an ninh, hay chính trị - ngoại giao, nằm ngoài các ảnh hưởng kinh tế - xã hội, biển Đông lại là loại vấn đề quy định sự hoạt động trước hết của kinh tế biển và những hoạt động có liên quan đến hải phận, không phận..., tức là những vấn đề trực tiếp gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước, quy định khả năng phát triển bình thường hay bền vững của tất cả các lĩnh vực khác thuộc đời sống xã hội.

Tính đến hết năm 2016, biển Đông đã bị Trung Quốc cải tạo lớn tại 7 thực thể đã chiếm đóng của Việt Nam từ những năm 1988-1995, gồm Đá Su Bi (Subi Reef), Đá Vành khăn (Mischief Reef), Đá Châu Viên (Cuarteron Reef), Đá Tư Nghĩa (Hughes Reef hay Hugh Reef), Đá Gaven (Gaven Reef), Đá Chữ Thập (Fiery Cross Reef). Trong đó, Đá Chữ Thập, Đá Gạc Ma và Đá Su Bi là “Bộ 3 khủng” (Big Three) trên biển Đông về căn cứ quân sự. Tại 3 thực

thể này, Trung Quốc đã xây dựng 3 sân bay có đường băng hơn 3.200 m, có thể sử dụng máy bay chiến đấu hiện đại và máy bay vận tải hạng nặng, cùng với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại để phục vụ sân bay, hệ thống nhà chứa máy bay tại mỗi đảo có thể cất giữ 24 máy bay chiến đấu, máy bay ném bom, máy bay chở nhiên liệu, và các máy bay có trang bị hệ thống Radar cảnh báo sớm. Tại 3 thực thể này đều có Radar lớn, cảng nước sâu đủ để các tàu chiến, tàu vận tải lớn cập cảng.

Theo Báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ trước Quốc hội ngày 13/5/2016, ước tính trong 2 năm, Trung Quốc đã cải tạo thêm hơn 1.300 ha đất trên 7 đá và rạn san hô nói trên (Xem: Office of the Secretary of Defense, 2016).

Không chỉ đe dọa an ninh hàng hải, Trung Quốc những năm gần đây còn trực tiếp đe dọa và gây hấn đối với các hoạt động của Việt Nam tại một số vùng biển mà Việt Nam có đặc quyền kinh tế (200 hải lý tính từ đường cơ sở). Chẳng hạn, Trung Quốc đã cắt cáp tàu khảo sát địa chấn Bình Minh 02 tháng 5/2011; kéo giàn khoan HD 981 vào khu vực thềm lục địa Việt Nam từ ngày 1/5 đến 15/7/2014; gây áp lực lên Công ty Repsol Tây Ban Nha và Việt Nam về việc ngừng khoan thăm dò tại Lô 136-3 Bãi Tư Chính tháng 7/2017; ngang nhiên áp đặt lệnh cấm đánh bắt cá từ ngày 1/5 đến 16/8/2017 ở biển Đông, bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa và một phần vịnh Bắc bộ, đe dọa an ninh và gây khó khăn cho hoạt động của ngư dân Việt Nam trên ngư trường truyền thống...

*Đối với Việt Nam, ngoài những ý nghĩa thiết thực khác, biển Đông trước hết là nhân tố lịch sử thuộc tâm thức Dân tộc - Quốc gia. Toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội sẽ*

*này sinh vấn đề, nếu nhân tố biển Đông không được tính đến một cách thấu đáo. Hơn thế nữa, số phận của đất nước cũng như số phận của chế độ và mỗi con người cũng sẽ khó tránh khỏi vấn đề nếu thoát ly nhân tố này.*

## II. Xu hướng phát triển

Với những thách thức phát triển nói trên, như nhiều chuyên gia đã cảnh báo, nếu không chủ động đẩy mạnh cải cách thể chế, Việt Nam sẽ khó thực sự và triệt để tái cơ cấu kinh tế để chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, khó thoát khỏi khu vực kinh tế chỉ ở trình độ gia công hàng hóa quốc tế kèm với những hệ lụy khó tránh về công nghệ, môi trường và những vấn đề xã hội, khó bứt phá khỏi trình độ công nghệ thấp, thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình để sớm trở thành quốc gia công nghiệp hóa (Xem: Phạm Quý Thọ, 2016; Trần Du Lịch, 2017; Bùi Quang Vinh, 2016; Trương Đình Tuyển, 2016).

Kết luận được nhiều học giả trong nước và chuyên gia quốc tế chỉ ra là, muốn thành công, không có phương thức nào khác, Việt Nam cần chủ động và tích cực thay đổi thể chế kinh tế (đằng sau thể chế kinh tế là thể chế chính trị) từ thể chế “Chiếm đoạt” (Extractive Institutions) sang thể chế “Dung hợp” (Inclusive Institutions).

Trong cuốn sách nổi tiếng thế giới *Tại sao các quốc gia thất bại*, ở phần *Lời tựa* cho bản tiếng Việt xuất bản năm 2013, chính hai tác giả D. Acemoglu và James A. Robinson đã bước đầu lý giải cho câu hỏi, trước những năm 1980, Việt Nam luôn là một nước nghèo, đã từng rất nghèo, rồi tại sao sau đó Việt Nam đã phát triển và phát triển khá nhanh.

Hai tác giả cho rằng, sự thành công của Việt Nam không hề được xác định bởi vị trí

địa lý hay điều kiện sinh thái của đất nước này. Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới giữa Bắc chí tuyến và đường xích đạo nên tiềm năng kinh tế theo lý thuyết là chỉ có giới hạn. Và trên thực tế, sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam 30 năm qua không hề liên quan tới vị trí địa lý. Ngay cả với nhân tố văn hóa truyền thống, D. Acemoglu và James A. Robinson cũng cho rằng, các chuẩn mực xã hội, các giá trị, hay đạo đức... dù có vai trò nhất định cũng không phải là nhân tố quyết định sự thành công hay kém cỏi của Việt Nam về kinh tế thời gian qua. Vì trên thực tế, văn hóa Việt Nam đã không thay đổi nhiều kể từ thập niên 1980 trở lại đây (Xem: D. Acemoglu và James A. Robinson, 2013).

Theo D. Acemoglu và James A. Robinson, tình trạng nghèo của Việt Nam được thay đổi từ thập niên 1980 “xuất phát từ những quy tắc - hay thể chế - mà bản thân xã hội Việt Nam đã tạo ra”. Đó là một tập hợp các thể chế kinh tế có khả năng thúc đẩy các tiềm năng và năng lực của người dân. Những năng lực này được phân phối một cách rộng rãi trong toàn xã hội, nhờ đó, tạo thành một đặc tính quan trọng - tính dung hợp - của tập hợp thể chế kinh tế có khả năng tạo ra sự thịnh vượng. Tính dung hợp của tập hợp thể chế này tạo ra các cơ hội bình đẳng về kinh tế cho tất cả mọi người, đem lại cho họ quyền sở hữu tài sản, quyền tiếp cận với thị trường, cơ hội giáo dục và bình đẳng trước pháp luật. Chẳng hạn như lịch sử nghèo đói của Việt Nam trong thời phong kiến hoặc dưới thời Pháp thuộc có thể được giải thích bằng thực tế là các thể chế kinh tế trong những thời kỳ này không có tính dung hợp mà có tính tước đoạt, những thể chế được thiết kế để hạn chế cơ hội, để tạo ra ân sủng và độc quyền cho một vài nhóm thiểu số và

bất đa số còn lại phải trả giá. Họ dập tắt cơ hội của nhiều người, trao đặc quyền cho một số thiểu số trong giới quyền thế bản địa hay cho thực dân Pháp (D. Acemoglu và James A. Robinson, 2013).

D. Acemoglu và James A. Robinson khẳng định rằng, trong lịch sử, giống như phần lớn các nước khác trên thế giới, thể chế kinh tế của Việt Nam thuộc loại thể chế chiếm đoạt (khai thác). Hai ông chứng minh, tại Việt Nam, người Pháp đã áp đặt một tập hợp các quy tắc tạo đặc quyền cho chính họ và cho tầng lớp quan lại. Quyền lực chính trị của nhà nước thuộc địa Pháp được phân phối trong phạm vi hẹp và được sử dụng để ủng hộ các lợi ích đặc biệt - thể chế chính trị của Pháp tại Việt Nam là có tính chiếm đoạt. “Người Việt Nam, mặc dù chiếm đa số, nhưng đã bị trục xuất ra khỏi địa hạt quyền lực chính trị và bị tước đoạt cơ hội kinh tế”. Theo D. Acemoglu và James A. Robinson, thể chế chính trị chiếm đoạt ở Việt Nam tồn tại ngay từ trước khi người Pháp đến Việt Nam.

Bước chuyển đổi từ thể chế chiếm đoạt sang dung hợp về mặt kinh tế “chính là căn nguyên tạo ra tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam gần đây”. Chính sách Đổi mới của Việt Nam từ năm 1986 đã đem lại những khuyến khích có tính thị trường, xóa bỏ những thể chế kiểu tập trung bao cấp làm cho nền kinh tế chuyển dần sang thể chế dung hợp và bắt đầu phát huy những tiềm năng chưa được giải phóng của người dân. D. Acemoglu và James A. Robinson cũng khuyến cáo: “Việt Nam sẽ phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách một cách toàn diện nếu muốn duy trì được đà tăng trưởng hiện nay và gia nhập hàng ngũ những quốc gia giàu mạnh nhất thế giới” (D. Acemoglu và James A. Robinson, 2013).

Trong cuốn sách của mình, cũng như trong lý thuyết kinh tế học thể chế và một số bài báo về sự thành bại của các quốc gia, D. Acemoglu và James A. Robinson đã nhiều lần khẳng định: “Chúng tôi chứng minh rằng trong hầu hết mọi trường hợp, một nước sở dĩ nghèo là do họ có các thể chế kinh tế chiếm đoạt, bắt nguồn từ các thể chế chính trị chiếm đoạt. Còn các nước giàu sở dĩ giàu là bởi vì họ có các thể chế chính trị dung hợp, với nhà nước mạnh và có trách nhiệm giải trình, và quyền lực chính trị được phân phối một cách rộng rãi, và nhờ đó tạo ra các thể chế kinh tế dung hợp”. Cũng rất may là khi nhìn vào nền kinh tế Việt Nam hơn 30 năm qua, chính hai tác giả này đã khẳng định, Việt Nam đã bước những bước đầu tiên từ *thể chế kinh tế chiếm đoạt* sang *thể chế kinh tế dung hợp*.

Có thể ai đó vẫn không đồng tình hoặc cảm thấy chưa thuyết phục với điều khẳng định trên của D. Acemoglu và James A. Robinson, nhưng nhu cầu về việc thay đổi thể chế kinh tế để nền kinh tế Việt Nam thực sự được cải cách một cách toàn diện, với sự quản lý vĩ mô của một nhà nước mạnh và có trách nhiệm giải trình, trong đó quyền lực, mà trước hết quyền lực huy động các nguồn lực được phân phối một cách rộng rãi, và nhờ đó, xóa bỏ triệt để thể chế chiếm đoạt... đang là nhu cầu thực tế, cấp thiết và chính đáng.

Chúng tôi muốn nói rằng, thể chế *dung hợp* chắc chắn là điều kiện cần cho sự thành công của một quốc gia đang trên đường phát triển như Việt Nam.

Theo Báo cáo Chỉ số thành bại của các quốc gia (FSI- Fragile/Failed States Index, một nghiên cứu quốc tế có uy tín khảo sát sự thành công và thất bại của các quốc gia

theo khung lý thuyết về thể chế *Dung hợp* và *Chiếm đoạt*), từ năm 2005 đến nay, tuy vẫn là quốc gia bị xếp loại “Cảnh báo” (Warning) nhưng Việt Nam luôn không nằm trong số 50 quốc gia (có chỉ số) thất bại và luôn được đánh giá là thành công hơn nhiều so với Trung Quốc. Việt Nam thành công đứng thứ 4 trong khối ASEAN. Nền kinh tế tuy vẫn chưa tạo được sự ổn định bền vững về tốc độ tăng trưởng, nhưng không có bất ổn chính trị và những biến động kinh tế - xã hội vẫn ở mức chưa làm thay đổi nhiều về thứ bậc các chỉ số thành phần. Điều này phản ánh Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực đáng kể ở những lĩnh vực về cải cách kinh tế, kiềm chế lạm phát, ổn định vĩ mô về chính trị... Phân tích theo các chỉ số thành phần của Báo cáo FSI thì, kể từ khi cán mốc 1.000 USD/đầu người vào năm 2009 đến nay, Việt Nam không chế áp lực gia tăng dân số nói chung tốt hơn. Vấn đề tị nạn và nguy cơ nhân đạo, như nhiều tổ chức quốc tế đánh giá, ở Việt Nam cũng không có gì đáng phải quan ngại. Các vấn đề xoay quanh các nhóm thù địch xã hội tuy có đôi lúc căng thẳng, nhưng tình huống vẫn chưa ngoài tầm kiểm soát. Vấn đề di dân, giảm thiểu chênh lệch phát triển giữa các vùng miền và giữa các tầng lớp dân cư, hạ thấp tỷ lệ nghèo và ngăn chặn các nguy cơ suy thoái kinh tế... nói chung đều có những thay đổi tích cực, dù mới chỉ đáp ứng được một phần đòi hỏi của tình hình nếu căn cứ vào những kỳ vọng phát triển đã được ghi trong các văn bản chiến lược.

Không chỉ các học giả của *Quyển Hòa bình*, mà nhiều chính khách, chuyên gia thuộc các tổ chức quốc tế khác cũng có cái nhìn về triển vọng của Việt Nam tương đối khả quan. Tuy vậy, nếu như vào những

năm chuyên giao thiên niên kỷ, Việt Nam được nhìn nhận khả quan hơn trong xu hướng “hóa rồng”, “hóa hổ”, thì ngày nay, xu hướng này được nhìn nhận có phần dè dặt hơn.

Việt Nam đang cất cánh và vẫn chưa mất cơ hội để hóa rồng - từ *The Economist* ngày 4/8/2016 đã nhận định như vậy, mặc dù bài báo cũng ghi nhận, mấy năm gần đây nền kinh tế Việt Nam đã gặp phải những khó khăn rất lớn (Xem: *The other Asian tiger*, 2016).

“Việt Nam đã tăng hơn gấp đôi tổng GDP trong 8 năm qua, trở thành nước có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới” - từ *Bloomberg* ngày 7/8/2017 đánh giá. Kết quả là, giờ đây Việt Nam không còn được vay vốn ưu đãi từ những nguồn tài trợ phát triển ở mức thấp hơn giá thị trường. “Đây là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy thành công phát triển đáng ghi nhận của Việt Nam”, Sebastian Eckardt, chuyên gia kinh tế trưởng của Ngân hàng Thế giới (WB) đã nhận định như vậy. Việt Nam đã học được bài học về đa dạng hóa các nguồn tài chính từ các thị trường vốn để đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước mà các nguồn chính thức hiện không còn đủ để đáp ứng nhu cầu phát triển của Việt Nam nữa (Xem: Narae Kim, Giang Nguyen, 2017).

### III. Kết luận

Mặc dù trong những năm gần đây, sự biến chuyển của đời sống kinh tế - xã hội với các chỉ tiêu về tăng trưởng, về tốc độ phát triển của các cơ sở hạ tầng, về kết quả giải quyết các vấn đề xã hội, về sự tín nhiệm của Chính phủ, về việc xử lý các vụ án tham nhũng... đều có những tiến bộ nhất định, thậm chí có những lĩnh vực đã chuyển biến căn bản, nhưng khi đánh giá tổng thể thực trạng xã hội Việt Nam hôm

nay, thái độ khá phổ biến vẫn là ít hài lòng, không yên tâm và lo lắng. Tâm thế này đè nặng và chi phối bầu không khí tinh thần xã hội. Tâm thế này có nguyên nhân thực tế khó tránh.

Quy định bộ mặt thực trạng đất nước và cũng quy định chiều hướng và tốc độ phát triển của đất nước trong tương lai chính là những vấn đề về nợ công, về sự lệ thuộc của nền kinh tế, về tình trạng tham nhũng, về kết quả chuyển đổi mô hình tăng trưởng, về giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó có những vấn đề của giáo dục - đào tạo, văn hóa, đạo đức..., và vấn đề biển Đông - vấn đề không tách rời tâm thức Dân tộc - Quốc gia.

Đất nước sẽ phát triển theo chiều hướng nào, với tốc độ nhanh hay chậm ra sao, trên thực tế, phụ thuộc vào việc giải quyết các vấn đề nói trên. Sự thành công hay thất bại của quốc gia - Việt Nam có sớm trở thành nước công nghiệp hóa và bảo vệ được sự toàn vẹn chủ quyền của mình hay không - điều đó không phụ thuộc vào những khuôn thước giáo điều mà phụ thuộc vào hiệu quả của những cải cách thực tế.

Thành công của sự nghiệp Đổi mới ở Việt Nam hơn 30 năm qua cho thấy, căn nguyên tạo ra sự phát triển là do bước chuyển từ *thể chế chiếm đoạt* sang *thể chế dung hợp*, trước hết là *thể chế kinh tế*, đằng sau là *thể chế chính trị*. Như D. Acemoglu và James A. Robinson đã khuyến cáo và hình dung, Việt Nam “sẽ gia nhập hàng ngũ những quốc gia giàu mạnh nhất thế giới” khi và chỉ khi “tiếp tục đẩy mạnh cải cách một cách toàn diện”.

Với tâm thế phát triển chưa hề nguội ở mọi tầng lớp nhân dân, với khát vọng “hóa rồng, hóa hổ” vẫn đang thôi thúc, dự báo của chuyên gia nước ngoài về một “Việt Nam

đang cất cánh và vẫn chưa mất cơ hội để hóa rồng” hy vọng sẽ trở thành hiện thực □

#### Tài liệu tham khảo

1. D. Acemoglu và James A. Robinson (2013), *Tại sao các quốc gia thất bại: nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Thanh An (2017), *Chưa bao giờ bức tranh nhân lực của ngành sư phạm lại xót xa như bây giờ*, <http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Chua-bao-gio-buc-tranh-nhan-luc-cua-nganh-su-pham-lai-xot-xa-nhu-bay-gio-post178738.gd>
3. BBC (2017), *Đàn ông Việt Nam vào loại thấp nhất các nước ASEAN*, <http://www.bbc.com/vietnamese/culture-social-40717162>, cập nhật ngày 25/7.
4. Bộ Y tế (2016), *Báo cáo chung tổng quan ngành Y tế năm 2015*, Nxb. Y học, Hà Nội.
5. Hải Duyên (2017), *Dàn lãnh đạo Công ty dược Pharma nhập thuốc chữa ung thư giả*, <http://vnexpress.net/tin-tuc/phap-luat/dan-lanh-dao-cong-ty-duoc-pharma-nhap-thuoc-chua-ung-thu-gia-3630172.html>
6. Đoàn Trần (2017), *Giá thuốc cao ngất vì lợi ích nhóm*, <http://vneconomy.vn/thi-truong/gia-thuoc-cao-ngat-vi-loi-ich-nhom-20170817091346627.htm>
7. Lê Hà (2017), *Giá thuốc phi mã, kìm cương bằng cách nào*, <http://laodong.vn/suc-khoe/gia-thuoc-phi-ma-kim-cuong-bang-cach-nao-673580.bld>
8. Vĩnh Hà (2017), *Olympic Vật lý Quốc tế 2017: Mưa “vàng” với đoàn Việt Nam*, <http://tuoitre.vn/tin/giao-duc/2017/0723/olympic-vat-ly-quoc-te-2017-mua-vang-voi-doan-viet-nam/1356976.html>
9. Thu Hằng (2012), *Ghép tạng, thành tựu nổi bật của nền y học Việt Nam*, <http://vovworld.vn/vi-VN/viet-nam-dat-nuoc-con-nguoi/ghep-tang-thanh-tuu-noi-bat-cua-nen-y-hoc-viet-nam-90442.vov>
10. Hiền Trần (2017), *Sự “bùng nổ” của tư duy thực dụng trong thi cử*, <http://baovannghe.com.vn/su-bung-no-cua-tu-duy-thuc-dung-trong-thi-cu-16855.html>
11. Chí Hiếu (2017), *Báo cáo Bộ Chính trị về 12 dự án ngàn tỉ thua lỗ*, <http://thanhnien.vn/thoi-su/bao-cao-bo-chinh-tri-ve-12-du-an-ngan-ti-thua-lo-824896.html>, cập nhật ngày 12/4/2017.
12. Narae Kim & Giang Nguyen (2017), *Vietnam Learns Becoming a Tiger Economy Comes With a Cost*, *Bloomberg*, Aug. 7<sup>th</sup> 2017, <http://www.bloomberg.com/news/articles/2017-08-07>
13. Trần Du Lịch (2017), *Cải cách thể chế kinh tế trong bối cảnh mới 2017*, <http://www.doanhnhansaigon.vn/van-de/cai-cach-the-che-kinh-te-trong-boi-canh-moi-2017/1103298/>
14. Hải Linh (2016), *Việt Nam là 1 trong 3 nước có tỷ lệ nạo phá thai cao nhất thế giới*, <http://trithucvn.net/chinh-tri-xa-hoi/viet-nam-la-1-trong-3-nuoc-co-ty-le-nao-pha-thai-cao-nhat-the-gioi.html>
15. Thùy Linh (2017), *Bức tranh toàn cảnh về nền giáo dục đại học ở Việt Nam những năm qua*, <http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Buc-tranh-toan-canhh-ve-nen-giao-duc-dai-hoc-o-Viet-Nam-nhung-nam-qua-post178936.gd>
16. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP, ngày 8/5/2017, *Quy định về hành nghề dược, xuất nhập khẩu thuốc, quản lý giá thuốc*, có hiệu lực từ ngày 1/7/2017, <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/The->

- thao-Y-te/Nghi-dinh-54-2017-ND-CP-huong-dan-Luat-duoc-321256.aspx
17. Những cái “nhất” của Việt Nam so với thế giới, Giáo dục Việt Nam 5/28/2014, <http://www.vietcatholic.net/News/Html/125263.htm>
  18. Office of the Secretary of Defense (2016), *Annual Report to Congress: Military and Security Development Involving the People’s Republic of China 2016*, <http://www.defense.gov/Portals/1/Documents/pubs/2016%20China%20Military%20Power%20Report.pdf>
  19. Nguyễn Sương - Quyên Quyên (2017), *Giáo dục xuống cấp như thế sao lại kêu gọi bình tĩnh*, <http://news.zing.vn/giao-duc-xuong-cap-nhu-the-sao-lai-keu-goi-binh-tinh-post770741.html>
  20. Nguyễn Thảo (2016), *Học sinh Việt Nam xếp thứ 8 về khoa học*, <http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/khoa-hoc/ket-qua-pisa-2015-hoc-sinh-viet-nam-xep-thu-8-ve-khoa-hoc-thu-30-ve-doc-hieu-344921.html>
  21. “The other Asian tiger”, *The Economist*, Aug. 4<sup>th</sup> 2016, <http://www.economist.com/news/leaders/21703368-vietnams-success-merits-closer-look-other-asian-tiger>
  22. Minh Thùy, Thiên Chương (2011), Thừa trình độ, bệnh viện vẫn “thua trên sân nhà”, <http://giadinh.vnexpress.net/tin-tuc/to-am/thua-trinh-do-benh-vien-noi-van-thua-tren-san-nha2277238.html>
  23. Phạm Quý Thọ (2016), *Cải cách thể chế ở VN: Dấu ấn 2016*, <http://www.bbc.com/vietnamese/forum-38496804>
  24. Trương Đình Tuyển (2016), *Cải cách thể chế là quyết định*, <http://tphcm.chinhphu.vn/ong-truong-dinh-tuyen-cai-cach-the-che-la-quyet-dinh>
  25. Bùi Quang Vinh (2016), *Phát biểu của Bộ trưởng KH&ĐT Bùi Quang Vinh tại Đại hội XII của Đảng*, <http://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/bai-phat-bieu-tam-huyet-thang-than-cua-bo-truong-bui-quang-vinh-286196.html>

(tiếp theo trang 62)

vẫn có được những nét riêng? Bức tranh văn hóa làng trong đô thị và văn hóa đô thị trong làng đặt ra vấn đề gì cho sự phát triển xã hội hiện nay?

Nội dung sách được trình bày trong 6 chương. Chương 1 tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận. Chương 2 xem xét bối cảnh tự nhiên, lịch sử, kinh tế, xã hội làng Xuân Đỉnh và những chính sách tác động tới quá trình đô thị hóa ở làng. Chương 3 phân tích thực trạng biến đổi văn hóa ở làng Xuân Đỉnh (qua không gian, cảnh quan; sinh kế; lối sống; tiếp cận thông

tin và các hình thức giải trí). Chương 4 phân tích thực trạng biến đổi văn hóa ở làng Xuân Đỉnh qua phong tục cưới hỏi, tang ma, sinh hoạt dòng họ. Chương 5 làm rõ thực trạng biến đổi văn hóa ở làng Xuân Đỉnh qua di tích, tín ngưỡng và lễ hội. Chương 6 đề cập đến xu hướng biến đổi văn hóa ở làng Xuân Đỉnh, sự thích ứng linh hoạt của dân làng trong quá trình biến đổi; nêu lên những thách thức từ quá trình đô thị hóa và biến đổi văn hóa làng hiện nay; đồng thời đưa ra một số kiến nghị cho sự phát triển của làng ven đô hiện nay trong quá trình đô thị hóa và biến đổi văn hóa.

HOÀI PHÚC